TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2021
V/v tranh chấp
ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thanh Long

2/ Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

2/ *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thành K**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T ngày 16-11-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Vợ chồng sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nhau; mâu thuẫn kéo dài đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành L (nam), sinh ngày 03-01-2008 và Nguyễn Trần Bảo N2 (nữ), sinh ngày 04-11-2012. Hiện 02 cháu đang được chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục được nuôi 02 con đến trưởng thành. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Thành K vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản ý kiến nào cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Trần Thị Thanh T có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Thành K về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con. Chị T và anh K có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn và nuôi con". Anh K có nơi cư trú tại ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thành K nhưng anh luôn vắng mặt không có ý kiến. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 140/2009, quyển số 01 ngày 21-10-2009 tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện P nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của anh chị xác lập trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau có thời gian dài hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không tìm cách tháo gỡ cho hài hòa mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thậm chí ly thân từ năm 2018 và từ đó đến nay anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh K luôn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật dân sự quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Quyền kết hôn, ly hôn…*". Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị ly hôn với anh K là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành L (nam), sinh ngày 03-01-2008 và Nguyễn Trần Bảo N2 (nữ), sinh ngày 04-11-2012. Hai cháu hiện đang sống với chị T và được chị nuôi dạy tốt; hơn nữa, 02 cháu đều có ý kiến có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần tiếp tục giao 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Việc chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con đó là quyền của chị T nhưng vẫn đảm bảo quyền cho K được thăm nom và chăm sóc con chung theo quy tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] *Về nợ chung*: Chị T xác định không có nhưng do anh K vắng mặt nên chưa làm rõ được. Trường hợp, sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] *Về quyền kháng cáo của các đương sự*: được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Thành K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành L (nam), sinh ngày 03-01-2008 và cháu Nguyễn Trần Bảo N2 (nữ), sinh ngày 04-11-2012 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xét.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh K theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2/ Về Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/017758 ngày 17-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị T đã nộp xong án phí.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn, các đương sự được quyền kháng cáo./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Văn Lo

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã Nhơn Ái (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.